

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04/6/2019

V/v: “Ly hôn và nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Cẩm Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khóa

2. Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2019/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2019 về việc ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thùy Dương, sinh năm 1994.

HKTT: Số nhà 1A đường T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Ngọc P – Luật sư – Văn phòng luật sư T.

Địa chỉ: Số 30 L, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến K, sinh năm 1984.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Số nhà 1A đường T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Tại phiên tòa chị D, ông P có mặt; anh K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa chị D trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Tiến K được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 04/01/2013 tại UBND phường S, thị xã C (nay là thành phố C) tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì anh K sang lao động tại Đài Loan (năm 2014). Sau đó chị cũng sang Đài Loan cùng chồng. Cuộc sống vợ chồng chị bên Đài Loan luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống giữa hai người có nhiều cách biệt, không tin tưởng nhau. Chị đã trao đổi với anh K về việc ly hôn và anh K cũng đồng ý. Khi chị hết hạn hợp đồng lao động rủ anh K về nước nhưng anh K không nghe mà trốn ra ngoài lao động tự do. Sau khi chị về Việt Nam (tháng 9/2018) chị và anh K ít khi liên lạc với nhau, không ai còn quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau. Vì anh K sống bất hợp pháp bên Đài Loan nên không có địa chỉ cụ thể. Chị có hỏi anh K và gia đình bố mẹ để anh K không ai nói cho chị biết. Chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng của chị và anh K ly thân đã lâu, không còn tình cảm vợ chồng, cả hai bên không đem lại hạnh phúc cho nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh K để hai bên ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh K có 01 con chung là Nguyễn Lê Tường V, sinh ngày 07/01/2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo thông tin do Cục Quản lý xuất nhập cảnh cung cấp tại Công văn số 5760/QLXNC-P5 ngày 10/4/2019 thể hiện: anh Nguyễn Tiến K, sinh ngày 11/08/1984 tại Hải Dương có CMND số 142190514, khai đăng ký địa chỉ thường trú tại: S, thành phố C, tỉnh Hải Dương đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số B9548001 ngày 04/9/2014 có giá trị đến 04/9/2024; có thông tin xuất

nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 21/12/2014 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu nêu trên, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị N theo đề nghị của chị D thể hiện anh K chị D sau khi kết hôn sống cùng gia đình nhà chồng một thời gian ngắn thì ra ở riêng, đến năm 2014 cả hai cùng đi lao động ở Đài Loan. Anh K kể với bà do cuộc sống lao động vất vả nên hai anh chị D K không có thời gian chăm sóc nhau, dần dần phát sinh mâu thuẫn về định hướng phát triển kinh tế. Đến tháng 8/2018 chị D về nước, anh K vẫn ở lại Đài Loan. Từ đó hai vợ chồng không liên lạc với nhau. Nay chị D xin ly hôn anh K đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã hai lần yêu cầu bà cung cấp địa chỉ cụ thể của anh K ở Đài Loan nhưng vì hiện nay anh K chỉ liên lạc về nhà qua điện thoại và không nói địa chỉ cho bà biết nên bà không thể cung cấp cho Tòa án.

Bản thân anh K đã được bà thông báo nội dung các văn bản của Tòa án gửi. Quan điểm của anh K đồng ý ly hôn chị D và giao con chung là Nguyễn Lê Tường V cho chị D nuôi dưỡng. Anh đề nghị Tòa án không hòa giải và giải quyết vắng mặt anh.

Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị D trình bày quan điểm giữ nguyên nội dung khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K và nuôi con.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thùy D, xử cho chị D được ly hôn anh Nguyễn Tiến K; Về con chung: Giao con Nguyễn Lê Tường V cho chị D nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị D. Chị D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

- Chị Lê Thùy D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Tiến K. Anh K hiện đang sinh sống tại Đài Loan. Trước khi đi Đài Loan anh sống cùng gia đình ở C, Hải Dương. Do đó TAND tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập theo quy định tại Điều 179 BLTTDS. Đồng thời Tòa án giao các văn bản trên cho mẹ đẻ anh K là bà N để thông báo cho anh K biết. Anh K được tổng đạt QĐXX hợp lệ 02 lần song đều không có mặt. Do đó HĐXX xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về Quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thùy D và anh Nguyễn Thiên K được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 04/01/2013 tại UBND phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không có lòng tin với nhau. Trong thời gian dài mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Bản thân chị D cũng muốn níu kéo hạnh phúc vợ chồng với yêu cầu anh K về nước cùng với chị song anh K đã không đồng ý và vẫn tiếp tục ở lại Đài Loan bất hợp pháp. Điều đó chứng tỏ cuộc sống chung giữa anh K và chị D là không có, mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nên HĐXX xét thấy cần giải quyết cho chị D được ly hôn anh K theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ là phù hợp tình hình thực tế cũng như phù hợp với đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tại phiên tòa.

[3]. Về con chung: Chị D anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Tường V, sinh ngày 07/01/2014. Do cháu V còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Bản thân chị D lao động tự do nhưng thu nhập cũng ổn định đủ đảm bảo nuôi con;

anh K không ở Việt Nam nên không thể chăm sóc con. Hơn nữa, anh K thông qua mẹ để thể hiện nguyện vọng giao con cho chị D nuôi dưỡng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị D về việc giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 - Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị D không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thùy D phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Lê Thùy D ly hôn anh Nguyễn Tiến K.

2. Về con chung:

- Giao con Nguyễn Lê Tường V, sinh ngày 07/01/2014 cho chị Lê Thùy D nuôi dưỡng, chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về án phí: Chị Lê Thùy D phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ số tiền 300.000đ chị Dương đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0006064 ngày 21/02/2019 của Cục THADS tỉnh Hải Dương. Chị D đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương để ghi vào sổ hộ tịch;
- Các đơn vị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trịnh Cẩm Vân